PHỤ LỤC I

(Dành cho thí sinh tham gia xét tuyển NCS)

A. DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ SỐ TÍN CHỈ HỌC BỔ XUNG KIẾN THỨC

1 -CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

1.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng, Trồng trọt hoặc Di truyền và chọn giống cây trồng được đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Khoa học cây trồng thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

1.2. Đối tượng ngành gần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Bảo vệ thực vật; Khoa học đất; Di truyền thực vật; Sinh lý thực vật; Lâm học; Hệ thống nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt); Công nghệ sinh học (lĩnh vực thực vật) và có bằng tốt nghiệp ngành đúng, phù hợp từ năm 2004 trở về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 10 TC.

1.3. Đối tượng là kỹ sư hoặc cử nhân: bằng kỹ sư hoặc cử nhân chuyên ngành Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Di truyền và Chọn giống cây trồng, Nông học và Kỹ nghệ hoa viên:

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;
- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 36 tín chỉ.

2 - CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

2.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam dự xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Văn học Việt Nam thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

2.2. Đối tượng tốt nghiệp ngành gần cần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Hán nôm, Văn hóa, Lí luận và PPDHBM Văn tiếng Việt, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học, Báo chí, Hán Nôm, Văn Hoá học, Việt Nam học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Châu Á học, Nhân học, Dân tộc học… và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng từ năm 2000 về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 16 TC.

2.3. Đối tượng là cử nhân: bằng cử nhân ngành Ngữ văn, Văn học, Đại học sư phạm Ngữ văn loại khá, giỏi:

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;
- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 30 tín chỉ.

3 -CHUYÊN NGÀNH LÍ LUẬN&PPHDBM VĂN-TIẾNG VIỆT

3.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành "Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn- Tiếng Việt" dự xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

3.2. Đối tượng tốt nghiệp ngành gần cần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ Việt Nam và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng từ năm 2000 về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 12 TC.

3.3. Đối tượng là cử nhân: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy một trong các ngành: Ngữ văn, Văn học, Đại học sư phạm Ngữ văn, ĐHSP Văn- Sử loại giỏi trở lên.

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn- Tiếng Việt theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;

- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 24 đến 28 tín chỉ.

4- CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

4.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam dự xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Lịch sử Việt Nam thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

4.2. Đối tượng tốt nghiệp ngành phù hợp, ngành gần cần bổ sung kiến thức

- *Ngành phù hợp:*

+ Đại học Sư phạm Lịch sử, cử nhân Lịch sử, Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.

+ Thạc sĩ Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH Lịch sử.

- *Ngành gần*: Thạc sĩ Việt Nam học, Chính trị học, Giáo dục chính trị, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học.

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Việt Nam học, Chính trị học, Giáo dục chính trị, Văn Hoá học, Quản lý văn hoá, quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng từ năm 2000 về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 13 TC.

4.3. Đối tượng là cử nhân: Có bằng cử nhân ngành đúng, bằng cử nhân ngành phù hợp loại giỏi:

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;

- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 26 đến 30 tín chỉ

B. DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ DANH SÁCH CÁC NHÀ KHOA HỌC THAM GIA HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

1. CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

STT	*Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu*	*Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS*	*Số lượng NCS có thể tiếp nhận*
1	Sinh lý sinh thái cây trồng	HD1: PGS. TS Nguyễn Huy Hoàng HD2: PGS.TS Lê Hữu Cần	2
2	Giống và công nghệ sản xuất giống cây trồng	HD1: PGS.TS Nguyễn Bá Thông; PGS.TS Hoàng Thị Tuyết Minh; PGS.TS Nguyễn Thị Trâm HD2: TS Nguyễn Thị Lan; TS Trần Thị Ân;	2
3	Trồng trọt công nghệ cao	HD1: TS Trần Công Hạnh HD2: TS Mai Nhữ Thắng	1
4	Cây trồng bản địa và bảo tồn nguồn gen	HD1: PGS.TS Nguyễn Bá Thông; PGS. TS Nguyễn Huy Hoàng	2
5	Dinh dưỡng khoáng và kỹ thuật bón phân cho cây trồng	HD1: TS Trần Công Hạnh; TS Phạm Thị Thanh Hương HD2: TS Trần Thị Ân	1
6	Quản lý dịch hại cây trồng	HD1: GS.TS Nguyễn Hồng Sơn; PGS.TS Nguyễn Văn Viết HD2: TS Lê Văn Ninh	2
7	Đặc điểm các nhóm cây trồng và kỹ thuật canh tác	HD1: PGS.TS Nguyễn Bá Thông; TS Trần Công Hạnh HD2: TS Nguyễn Thị Lan; TS Trần Thị Ân; TS Lê Đình Sơn	2
8	Hệ thống cây trồng và canh tác bền vững	HD1: TS Trần Công Hạnh; PGS.TS Lê Hữu Cần HD2: TS Lê Văn Ninh; TS Lê Đình Sơn	1
9	Quản lý cây trồng tổng hợp	HD1: PGS.TS Nguyễn Bá Thông; TS Trần Công Hạnh HD2: TS Nguyễn Thị Lan; TS Trần Thị Ân; TS Lê Đình Sơn	2
10	Sản xuất nông sản an toàn	HD1: GS.TS Nguyễn Hồng Sơn; PGS.TS Nguyễn Văn Viết HD2: TS Lê Văn Ninh	2

2. CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

STT	*Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu*	*Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn NCS*	*Số lượng NCS có thể tiếp nhận*
1	Nghiên cứu văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa	PGS.TS Mai Thị Hồng Hải, PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy, TS. Trần Quang Dũng	1
2	Nghiên cứu văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa vùng và vùng văn hóa	PGS.TS Mai Thị Hồng Hải, PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy, TS. Trần Quang Dũng	1
3	Nghiên cứu văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa tộc người	PGS.TS Mai Thị Hồng Hải, PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy, TS. Trần Quang Dũng	1
4	Nghiên cứu văn học trung đại trong mối quan hệ với văn học và văn hóa dân gian	PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn, GS.TS. Lã Nhâm Thìn, TS. Trần Quang Dũng, PGS.TS Mai Thị Hồng Hải	1
5	Văn học Hán Nôm Thanh Hóa	PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn, GS.TS. Lã Nhâm Thìn, TS. Trần Quang Dũng	1
6	Văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XX	PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy	1
7	Nghiên cứu thành tựu văn học các địa phương	PGS.TS Hỏa Diệu Thúy, PGS.TS Lê Tú Anh	1
8	Tiểu thuyết Việt Nam sau 1975	PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy	1
9	Truyện ngắn Việt Nam sau 1975	PGS.TS Hỏa Diệu Thúy, PGS.TS Lê Tú Anh	1
10	Văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam	PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS Mai Thị Hồng Hải, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy	1
11	Tiếp nhận văn học Việt Nam từ sau 1975	PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS Hỏa Diệu Thúy	1
12	Nghiên cứu thành tựu văn học Việt Nam sau ba mươi năm đổi mới (1986-2016)	PGS.TS Hỏa Diệu Thúy, PGS.TS Lê Tú Anh	1

3. CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

STT	*Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu*	*Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS*	*Số lượng NCS có thể tiếp nhận*
1	Quá trình hình thành và phát triển của các làng Việt cổ truyền	HD1: GS.TSKH.Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng	5
2	Lịch sử văn hóa làng xã Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng	3
3	Quá trình hình thành và phát triển các đô thị Việt Nam	HD1; GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS Lê Sỹ Hưng.	4
4	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam	HD1: PGS.TS Trần Ngọc Long, Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Lê Sỹ Hưng.	4
5	Lịch sử tôn giáo Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng.	3
6	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Lê Sỹ Hưng.	3
7	Sự hình thành và phát triển các dân tộc Việt Nam	HD1: GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ. HD2: TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Lê Thanh Thủy.	3
8	Lịch sử giáo dục và khoa cử Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thức.	4

9	Các trung tâm kinh tế Việt Nam trong lịch sử	HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải HD1: GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ. HD2: TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Lê Thanh Thủy	4
10	Lịch sử của các di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam	HD1: GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS. TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải	5
11	Quá trình hình thành và phát triển các không gian lịch sử- văn hóa Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng	3
12	Nông thôn Việt Nam trong lịch sử	HD1: GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng.	3
13	Tình hình ruộng đất và kinh tế nông nghiệp trong lịch sử Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng	3
14	Các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thu Hà, TS. Lê Sỹ Hưng.	3
15	Khởi nghĩa nông dân trong thời kỳ cổ-trung đại Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Ngọc Long. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà.	3
16	Vị trí, vai trò của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc	HD1: PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS. Trần Văn Thức. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy	5
17	Lịch sử các dòng họ tiêu biểu ở Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung.	5

		HD2: PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy	
18	Các nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam	HD1: GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy	5
19	Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới.	HD1: GS.TS. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy	3
20	Cách mạng tháng Tám 1945 ở các địa phương trong cả nước	HD1: GS.TS, Pham Hồng Tung, PGS.TS. Trần Văn Thức, PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà.	5

4. CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VĂN-TIẾNG VIỆT

STT	*Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu*	*Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS*	*Số lượng NCS có thể tiếp nhận*
1	Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh. HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
2	Vận dụng các lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường Việt Nam	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
3	Vận dụng các thành tựu của Tâm lí học, Giáo dục học hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở nhà trường Việt Nam	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
4	Dạy học văn theo hướng phát triển năng lực học sinh và đáp ứng nhu cầu xã hội	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng	3
5	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm, kĩ năng sống cho HS qua dạy học Ngữ văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai	3
6	Chuẩn đầu ra của việc học Ngữ văn và dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra.	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
7	Xây dựng câu hỏi, bài tập trong dạy học Ngữ văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh	3

		HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	
8	Văn bản và dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Nguyễn Quang Ninh; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: PGS.TS Lê Thị Phượng; TS Phạm Thị Anh PGS.TS Hoàng Thị Mai	3
9	Tích hợp trong dạy học Ngữ văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
10	Đa trí tuệ trong lớp học và dạy học phân hóa môn Ngữ văn đáp ứng nhu cầu xã hội	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
11	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
12	Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn.	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
13	Các lí thuyết học tập và chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3

14	Phương pháp, kĩ thuật dạy học làm văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng TS Phạm Thị Anh	3
15	Xây dựng bài tập trong dạy học tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh; GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: TS Phạm Thị Anh; PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phượng	3
16	Quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh; GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: TS Phạm Thị Anh; PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phượng	3
17	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh; GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: TS Phạm Thị Anh; PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phượng	3
18	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh; GS.TS Nguyễn Thanh Hùng; PGS.TS Bùi Minh Đức HD2: TS Phạm Thị Anh; PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phượng	3

MẪU 1

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM …..

Kính gửi: **Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh**
đào tạo trình độ tiến sĩ Trường Đại học Hồng Đức

Họ và tên: ..... Giới tính: .....
Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....
Quê quán: .....
Tốt nghiệp đại học năm: ..... Chuyên ngành: .....
Tại trường: .....
Hệ: Chính quy □, Liên thông □,
Xếp loại: Khá □, Giỏi □, Xuất sắc □
Bằng đại học thứ 2 (*nếu có*): .....
Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành: ..... Điểm trung bình: .....
Năm TN: ..... Trường cấp bằng: .....
Hiện đang làm việc tại: .....
Thuộc đối tượng xét tuyển: Cán bộ, Công chức □ Đơn vị kinh doanh □
Thí sinh tự do □ Công tác tại miền núi □
Thương binh □ Dân tộc ít người □
Đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh
Chuyên ngành: ..... Mã số: .....
Hình thức đào tạo: Tập trung
Lĩnh vực nghiên cứu đăng ký: .....
.....
.....
Tên người hướng dẫn đăng ký:
- Người HD chính: ..... Nơi công tác: .....
- Người HD phụ: ..... Nơi công tác: .....
Ngoại ngữ dự tuyển: Anh văn □,

Tôi xin thực hiện đúng các quy định đối với thí sinh và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ.

……, ngày … tháng … năm 20…
Chữ ký thí sinh

MẪU 2

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên:

2. Ngày sinh: **3.** Nơi sinh **4.** Nam/Nữ:

5. Địa chỉ nhà riêng:

Điện thoại NR: ; CQ: ; Mobile:
E-mail:

6. Chức vụ hiện nay:

7. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân:

Tên cơ quan :
Địa chỉ cơ quan :
Điện thoại : ; Fax: ; Website:

8. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Năm TN
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

9. Trình độ ngoại ngữ *(mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)*

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1					
2					

10. Quá trình công tác

Thời gian (*từ năm ... đến năm...*)	Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác

11. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố
(liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (*bài báo, công trình...*)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (*tên tạp chí đã đăng*)	Năm công bố
1	Tạp chí quốc tế			

2	Tạp chí quốc gia			
3	Hội nghị quốc tế			

12. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp *(nếu có)*

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

13. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn *(nếu có)*

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian
1			
2			

14. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian *(bắt đầu - kết thúc)*	Thuộc Chương trình *(nếu có)*	Tình trạng *(đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)*

15. Giải thưởng *(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,...)*

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1		
2		

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

Xác nhận của cơ quan công tác **Người khai**

MẪU 3 *Mẫu trang bìa*

UBND TỈNH THANH HÓA **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM …

Tên đề tài nghiên cứu:

Tên người dự tuyển:

Cơ quan công tác:

Thanh hóa, năm

Mẫu trang phụ bìa

UBND TỈNH THANH HÓA **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 20…

Tên đề tài:
"……"

Chuyên ngành đào tạo:
Mã số:

Tên người dự tuyển: ……..
Cơ quan công tác:…….

Người hướng dẫn khoa học:
1……
2…….

Thanh Hóa, năm

YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Trang bìa đề cương:

2. Đặt vấn đề:

Nêu lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, tính mới của vấn đề nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

3. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:

Tác giả cần tổng hợp các nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của người dự tuyển, qua đó cần phân tích bình luận về kết quả và những hạn chế/khoảng trống của các nghiên cứu đó để làm nổi bật tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài dự tuyển. Trong đó người dự tuyển cần nêu rõ những quan điểm và phương pháp giải quyết riêng của mình

4. Mục tiêu, nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Mục tiêu của đề tài dựa trên tên của đề tài dự kiến, những kết quả nghiên cứu đi trước đã đạt được để đề ra mục tiêu nghiên cứu giải quyết vấn đề.

- Nội dung nghiên cứu: nội dung phải dựa trên mục tiêu nghiên cứu, toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài là giải quyết các mục tiêu đề ra.

- Đối tượng nghiên cứu: là đối tượng mà đề tài dự kiến nghiên cứu, trong đó cần nêu rõ phạm vi và giới hạn của đề tài, của đối tượng nghiên cứu (*có thể đưa giới hạn đề tài vào cuối của mục 4*)

- Phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần nêu rõ từng phương pháp mà đề tài sẽ áp dụng để đảm bảo đạt được mục tiêu-nội dung đã đề ra của đề tài, các phương pháp bố trí thí nghiệm, thu tập số liệu, xử lí số liệu, vv. Các phương pháp nghiên cứu trình bày theo từng nội dung nghiên cứu.

5. Những nghiên cứu/công việc liên quan đã thực hiện của người dự tuyển:

Nêu các nghiên cứu (đề tài, nhiệm vụ, vv) của người dự tuyển đã thực hiện có liên quan đến đề tài luận án dự kiến thực hiện; kinh nghiệm của người dự tuyển và tính khả thi của đề tài luận án.

6. Tiến độ thực hiện đề tài

Kế hoạch cần trình bày chi tiết, cụ thể theo các nội dung, hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu thực hiện khóa học và luận án của người dự tuyển.

TT	Nội dung/hoạt động	Sản phẩm phải đạt	Tiến độ thực hiện theo năm và quý															
			Năm 1				Năm 2				Năm 3				Năm 4			
			I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV
1																		
2																		
3																		

7. Dự kiến kết quả đạt được

Nêu các kết quả dự kiến đạt được, các đóng góp mới về khoa học và thực tiễn.

8. Danh mục tài liệu tham khảo mà người dự tuyển đã cập nhật làm cơ sở đề xuất đề tài tiến sĩ

Danh mục tài liệu tham khảo trình bày theo quy định. Trình bày tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước (xếp tên tác giả theo alphabet) và tài liệu tiếng Anh sau (xếp tên tác giả theo alphabet).

9. Người hướng dẫn dự kiến:

- Người hướng dẫn 1:
  + Họ và tên:
  + Học hàm, học vị:
  + Cơ quan công tác:
  + Điện thoại:
- Người hướng dẫn 2:
  + Họ và tên:
  + Học hàm, học vị:
  + Cơ quan công tác:
  + Điện thoại:

……., ngày tháng năm 20….
Người dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người hướng dẫn 1	Người hướng dẫn 2
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

MẪU 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ GIỚI THIỆU

Thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh

Kính gửi: - Hội đồng tuyển sinh trình độ Tiến sĩ;

- Trường Đại học Hồng Đức.

Tên tôi là:

Học hàm, học vị:……Năm công nhận:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Tôi đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn với ông/bà:……trong khoảng thời gian từ……

là người dự tuyển nghiên cứu sinh khoá 2017 của trường Đại học Hồng Đức. Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp:…….

2) Năng lực hoạt động chuyên môn:……

3) Phương pháp làm việc: ……...

4) Khả năng nghiên cứu: …….

5) Khả năng làm việc theo nhóm:……

6) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:…….

7) Triển vọng phát triển về chuyên môn:…….

8) Trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án:……..

9) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh:……

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệu ……với trường Đại học Hồng Đức để đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh khoá 2017.

Xin chân thành cảm ơn!

Ngày tháng năm

Người giới thiệu

(Học hàm, học vị, họ và tên)

MẪU 5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh**

đào tạo trình độ tiến sĩ Trường Đại học Hồng Đức

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Quê quán: .....

Tốt nghiệp đại học năm: ..... Chuyên ngành: .....

Tại trường: .....

Hệ: Chính quy □, Liên thông □,

Xếp loại: Khá □, Giỏi □, Xuất sắc □

Hiện đang làm việc tại: .....

Thuộc đối tượng xét tuyển: Cán bộ, Công chức □ Đơn vị kinh doanh □

Thí sinh tự do □ Công tác tại miền núi □

Thương binh □ Dân tộc ít người □

Đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh

Chuyên ngành: ..... Mã số: .....

Hình thức đào tạo: Tập trung

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định đối với thí sinh và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về nghĩa vụ tài chính trong đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường và quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

……, ngày ... tháng ... năm 20…

Chữ ký thí sinh

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 – 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe –Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2